

Bản án số: 442/2021/HS-PT  
Ngày 25 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Ngọc Thu Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh.

Ông Đặng Văn Ý

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 và ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 186/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo Phạm Minh S, Lê Hoàng T, Nguyễn Chí T1 và Lê Đình T2 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh S, Lê Hoàng T, Nguyễn Chí T1 và Lê Đình T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*

**1. Phạm Minh S;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: nam; Sinh năm 1967 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: 340C/37 đường H, Phường 4, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công chức Hải quan, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn Khu vực IV; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phạm Văn T4(chết năm 2021); Con bà: Phạm Thị T5, sinh năm: 1929; Vợ: Lê Thị Kim C, sinh 1966; có 02 con, lớn sinh 1994, nhỏ sinh 1997; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày: 05/9/2019. (Có mặt)

**2. Lê Hoàng T;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 201 đường L, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lê Thanh T6, sinh năm: 1950; Con bà: Bùi Thị C1, sinh năm: 1948; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1981; có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày: 01/4/2020. (Có mặt)

**3. Nguyễn Chí T1;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1974 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 86/12 đường N, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức Hải quan; (Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm: 1950; Con bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1953; Vợ: Trang Thị N2, sinh năm 1976; có 02 con, nhỏ sinh năm 2003, lớn sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

**4. Lê Đình T2;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1985 tại Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 204 Khu phố 4A, phường T9, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức Hải quan; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lê Đình T10, sinh năm: 1954; Con bà: Lê Thị H2, sinh năm: 1954; Vợ: Phạm Thị L1, sinh năm 1990; có 02 con lớn sinh 2014, nhỏ sinh 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

*Người bào chữa:*

Luật sư Phan Trung H3 và Luật sư Phan Minh H4 thuộc Văn phòng Luật sư Phan Trung H3- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Phạm Minh S. (Có mặt). (Luật sư H3 vắng mặt khi tuyên án)

Luật sư Nguyễn Văn H5 thuộc Văn phòng Luật sư T11– Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng T. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ M (gọi tắt là Công ty M) có mã số doanh nghiệp 0313659150, đăng ký lần đầu ngày 24/2/2016, do Lê Anh T12 là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của công ty. Đến ngày 20/5/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ M có văn bản thông báo và được Sở Kế hoạch và đầu tư chấp nhận việc đổi tên thành Công ty

TNHH Đầu tư phát triển xuất nhập khẩu Z(gọi tắt là Công ty Z), đăng ký địa chỉ trụ sở chính: số 340C/37 đường H, Phường 4, Quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh, vẫn do Lê Anh T12 là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của công ty. Mặc dù doanh nghiệp đã 02 lần thay đổi nhưng người điều hành doanh nghiệp thực chất là Phạm Minh S. Theo đó, từ tháng 6/2016 đến tháng 10/2016, Phạm Minh S sử dụng pháp nhân Công ty Z mở 32 bộ tờ khai Hải quan, nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc về Việt Nam thông qua Cảng Sài Gòn Khu vực IV.

Ngày 27/10/2016, Đoàn kiểm tra Đội Quản lý thị trường 4A thuộc Chi Cục quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm buôn lậu Bộ Công an, thực hiện Quyết định khám phương tiện vận tải đối với xe đầu kéo mang biển kiểm soát 51C73582, rơ móc số 51R-13315, container số OOLU9233192 (còn nguyên seal) do lái xe Võ Minh Q điều khiển đang đỗ bên lề đường trước địa chỉ số 264 đường M1, phường Z1, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa nhập lậu. Tuy nhiên do không có chủ hàng theo xe vận tải, Đoàn kiểm tra yêu cầu lái xe Võ Minh Q điều khiển xe chở container về kho hàng hóa tạm giữ Chi cục quản lý thị trường và liên hệ với chủ hàng để tiến hành kiểm tra theo quy định.

Ngày 31/10/2016, Lê Hoàng T mạo danh đại diện Công ty Z (có Giấy giới thiệu) đến Chi cục Quản lý thị trường làm việc và trình bày số hàng hóa trong container số OOLU9233192 bị tạm giữ là của Công ty Z, do Lê Anh T12 trực tiếp nhập khẩu và xuất trình Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 101099972520 mở ngày 27/10/2016 để chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa.

Kết quả xác minh xác định: Lô hàng trong container số OOLU9233192 được Công ty Z nhập theo tờ khai hải quan số 101099972520 mở ngày 27/10/2016, hàng hóa khai báo là phụ tùng xe máy, bánh mâm xe..., hàng mới 100%. Tờ khai được phân luồng đỏ (thuộc diện phải kiểm hóa 100%).

Kết quả kiểm tra thực tế container số OOLU9233192 (từ ngày 31/10 đến ngày 04/11/2016), lô hàng bao gồm: 180.657 đơn vị sản phẩm là bánh xe đẩy vòng bi, thuốc nhuộm tóc, đèn Led, loa, kem vuốt tóc, nước hoa,...các loại có xuất xứ từ Trung Quốc. Như vậy, toàn bộ hàng hóa thực tế không trùng khớp về tên gọi, công dụng, chủng loại, xuất xứ, số lượng so với hàng hóa ghi trong tờ khai hàng hóa nhập khẩu. Do đó, ngày 7/12/2016, Đội Quản lý thị trường 4A tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính vắng mặt đối với Công ty Z với hành vi vi phạm kinh doanh hàng hóa nhập lậu.

Kết quả xác minh tại hãng tàu vận chuyển Container số OOLU9233192 - Công ty TNHH OOCL Việt Nam: Container số OOLU9233192 được xếp hàng từ cảng Huang, Trung Quốc, xuất phát ngày 21/09/2016, cảng giao hàng là Cảng ICD Phước Long 3- Hồ Chí Minh, Việt Nam, cập cảng ngày 28/09/2016, người nhận hàng Công ty Z, ngày giao Lệnh là 27/10/2016, người nhận Lệnh giao hàng là Lê Hoàng T, sử dụng giấy giới thiệu của Công ty Z, sử dụng số điện thoại: 0903776276.

Kết quả xác minh tại Công ty TNHH Cảng Phước Long, đơn vị quản lý Container số OOLU9233192: Container số OOLU9233192 đã được giao cho Công ty Z theo Lệnh giao hàng của hãng tàu và sau khi doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu ngày 27/10/2016. Đại diện nhận hàng cho công ty Z là người tên T. Công ty Z có liên hệ bộ phận cắt seal của Cảng, 3 nhân viên tham gia cắt seal tên Phong, Quỳnh và Hùng.

Kết quả xác minh tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 4 và kết quả làm việc với Lê Đình T2, Nguyễn Chí T1(cán bộ hải quan thực hiện việc kiểm tra thực tế lô hàng) cả 2 đều khai: 16h ngày 27/10/2016, lãnh đạo đội thủ tục hàng nhập – Chi cục hải quan CK KV4 phân công Lê Đình T2 và Nguyễn Chí T1 tiến hành kiểm hóa lô hàng, khi kiểm tra nhận thấy seal container số OOLU9233192 theo tờ khai hải quan số 101099972520 của Công ty Z còn nguyên vẹn, khớp với số seal trên vận đơn nên tiến hành cắt seal kiểm tra. T1 và T2 đã kiểm tra cụ thể từng mặt hàng trong container, đối chiếu với danh mục hàng hóa khai báo trong tờ khai và invoice (hóa đơn) của doanh nghiệp. Kết quả kiểm hóa đã được ghi nhận tại “Phiếu ghi kết quả kiểm tra”: Kiểm tra toàn bộ lô hàng = 724 thùng carton, tên hàng, chi tiết hàng phù hợp với khai báo. Hàng mới 100%, Kết luận hàng đúng với khai báo. Việc kiểm tra thực tế đối với container số OOLU9233192 bắt đầu lúc 16h và kết thúc vào hồi 17 ngày 27/10/2016. T2 và T1 tiến hành làm thủ tục thông quan trên hệ thống đối với tờ khai số 101099972520 của Công ty Z và chuyển tờ khai đã đóng dấu công chức hải quan sang Đội tổng hợp tiến hành trả tờ khai cho doanh nghiệp để doanh nghiệp làm thủ tục vận chuyển hàng hóa về kho. Ngay sau khi kết thúc việc kiểm hóa, Lê Đình T2 và Nguyễn Chí T1 bàn giao hàng hóa lại cho đại diện doanh nghiệp là Lê Hoàng T quản lý tại bãi ICD Phước Long, không biết doanh nghiệp sử dụng phương tiện gì để mang hàng ra khỏi cảng.

Kết quả xác minh tại Công an Phường 4, quận T3: tại địa chỉ 340C/37 đường H, Phường 4, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư phát triển xuất nhập khẩu Z hoạt động. Chủ hộ là Lê Văn T13 khai, ông T13 không biết gì về Công ty TNHH Đầu tư phát triển XNK Z, không tham gia, không liên quan hoạt động kinh doanh của Công ty Z, không

cho công ty nào thuê hay gắn biển hiệu Công ty Z. Ông T13 chỉ làm thủ tục nhập hộ khẩu ở nhờ tại 340C/37 đường H, Phường 4, Quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh, do chị gái tên Lê Thị Kim C là chủ sở hữu căn nhà. C là vợ của Phạm Minh S người thường xuyên sinh sống tại đây.

Kết quả xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0918319488, xác định: chủ thuê bao là Phạm Minh S, sinh năm 1967, địa chỉ thường trú 452/12 đường H6, Phường 14, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Minh S, Lê Hoàng T liên tục thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi sai phạm. Chỉ khi Cơ quan cảnh sát điều tra củng cố đầy đủ chứng cứ mới thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

- Đối với Phạm Minh S: lúc đầu Phạm Minh S khai bản thân là giảng viên cơ hữu của Đại học Tài chính Marketing, không sử dụng số điện thoại di động 0918319488, không biết ai liên quan đến hoạt động của Công ty Z, đã từng bị mất chứng minh nhân dân vào đầu năm 2011. Sau đó S thay đổi lời khai và thừa nhận là cán bộ hải quan công tác tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 4. Cuối năm 2015, khi đang là cán bộ hải quan Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (Cảng Vict) S gặp hai người đàn ông tên T14 và H7 (không biết lai lịch). T14 và H7 ngỏ lời muốn thành lập doanh nghiệp để nhập khẩu hàng hóa, muốn S tư vấn các thủ tục liên quan đến nhập khẩu hàng hóa. T14 và H7 muốn khai địa chỉ thành lập công ty tại địa chỉ nhà S số 340C/37 đường H, Phường 4, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng S không đồng ý. S không biết vì sao T14 và H7 vẫn sử dụng địa chỉ nhà S để làm địa chỉ thành lập công ty. Tháng 2/2016, T14 và H7 thành lập doanh nghiệp có tên Công ty TNHH Thương mại dịch vụ M, đến tháng 5/2016 thì đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư phát triển Xuất nhập khẩu Z. Vào tháng 10/2016, T14 đến gặp và đưa cho S một bộ hồ sơ nhập khẩu sử dụng pháp nhân của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Xuất nhập khẩu Z gồm Hợp đồng ngoại thương, Commercial Invoice( hóa đơn thương mại), Bill of Lading. S đã đưa lại bộ hồ sơ nhập khẩu này cho Lê Hoàng T, để T làm thủ tục mở tờ khai tờ khai hải quan cho Công ty Z và được hệ thống cấp số 101099972520/A11. Ngoài ra, Lê Hoàng T còn thực hiện các công việc liên quan đến việc nhập khẩu của Công ty Z như liên hệ hãng tàu để nhận Lệnh giao hàng, đóng tiền cước container, liên hệ cán bộ hải quan được phân công kiểm hóa để tiến hành kiểm hóa, liên hệ bộ phận cảng Phước Long ICD để đóng tiền nâng hạ con't, tiền cắt seal để kiểm hóa. Liên quan đến số hàng hóa trong cont số hiệu OOLU9233192, S khai không biết, không liên quan đến việc thành lập Công ty Z, không biết hàng hóa Công ty Z thực tế nhập khẩu là gì, khi hỏi T14 hàng nhập khẩu là gì thì S được T14 cho biết là: “yên tâm, hàng nhập về đều là hàng mới 100%” mà không nói rõ là hàng

gì. Bản thân S cũng không có tác động gì đối với cán bộ kiểm hóa lô hàng nhập khẩu của Công ty Z để việc kiểm hóa diễn ra nhanh chóng.

- Đối với Lê Hoàng T: ban đầu T khai, T được Lê Anh T12 thuê thực hiện các thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa cho Cty Z với mức lương là 10.000.000đ/tháng. Mọi công việc liên quan đến hoạt động làm thủ tục hải quan cho Công ty, T thực hiện theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp của Lê Anh T12. Liên quan đến việc làm thủ tục hải quan cho Công ty Z để thông quan container hàng hóa mang số hiệu OOLU9233192, T là người làm thủ tục hải quan cho con't hàng; là người liên hệ quầy đăng ký tờ khai của Chi cục Hải quan Cửa khẩu KV4 để giao hồ sơ đăng ký thông quan; là người trực tiếp liên hệ với cán bộ hải quan Lê Đình T2, Nguyễn Chí T1 và cùng đi xuống bãi để kiểm hóa container hàng, chứng kiến việc kiểm hóa, lập biên bản kiểm hóa và là người mua seal niêm phong container sau kiểm hóa, liên hệ bộ phận trả hồ sơ tờ khai, nhận hồ sơ thông quan, liên hệ bộ phận thanh lý tờ khai để đóng dấu đủ điều kiện container hàng số hiệu OOLU9233192 được qua cổng kiểm soát; khi container hàng qua cổng kiểm soát của cảng, T điều khiển xe máy chạy theo đằng sau xe đầu kéo Biển số đăng ký: 51C-735.82 và Rơ moóc Biển số đăng ký: 51R-133.15 chở Con't hàng số hiệu OOLU 9233192 đến khu vực đằng trước khu cao ốc Empire trên đường M1, Quận 2 (gần ngã ba Cát Lái) thì dừng lại. T nhận được điện thoại của Lê Anh T12 thông báo sẽ có khách hàng liên hệ, yêu cầu T giám sát việc giao hàng cho khách hàng. Khoảng một lúc sau có 07 xe ô tô tải đến đậu cạnh xe ô tô Đầu kéo Biển số đăng ký: 51C-735.82 và Rơ moóc Biển số đăng ký: 51R-133.15, T mở cont số hiệu OOLU 9233192 cho khách hàng của công ty dỡ hàng xuống, chất lên 07 xe tải. Sau khi dỡ hàng xuống, người của Lê Anh T12 dùng xe tải chở nhiều loại hàng khác nhau đến để T chất lại vào con't rỗng số hiệu OOLU9233192, sau đó T khóa container lại và đi về vì lúc đó đã là khoảng 23h ngày 27/10/2016. Đến khoảng 0h0' ngày 28/10/2016, lái xe container điện thoại cho T thông báo về việc xe hàng bị cơ quan Quản lý thị trường bắt giữ. T điện thoại báo ngay cho Lê Anh T12 biết sự việc rồi đi ngủ. Đến ngày 31/10/2016, T đến Cơ quan Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, chứng kiến việc kiểm tra hàng hóa thực tế trên container và ký vào các biên bản làm việc, biên bản kiểm kê hàng hóa. Trong quá trình giao hàng và nhận hàng mới cho Công ty Z, T khai không biết khách hàng đến nhận hàng và giao hàng cho Công ty Z là ai, không nhớ biển số xe đến nhận hàng và giao hàng cho Công ty Z. Thời gian dỡ hàng từ cont số hiệu OOLU 9233192 và chất hàng trở lại cont số hiệu OOLU 9233192 diễn ra trong khoảng 4h đồng hồ từ 19h đến 23h. Giải thích về việc hàng hóa kiểm tra thực tế container số hiệu OOLU 9233192 tại Cơ quan Quản lý thị trường không đúng như tờ khai nhập khẩu hàng hóa số 101099972520, mở ngày 27/10/2016, T cho rằng số hàng hóa

như trên tờ khai đã được giao hết cho khách hàng của Công ty Z theo chỉ đạo của Giám đốc Lê Anh T12.

Sau khi Cơ quan điều tra, xác minh củng cố chứng cứ vai trò của T, đến Lời khai ngày 17/02/2019, T thừa nhận việc làm theo yêu cầu của Phạm Minh S và thừa nhận việc nhập lô hàng cho Công ty Z. Lý do T khai đã đi theo xe đầu kéo và có sự thay đổi hàng nhằm trốn tránh trách nhiệm liên quan. Thực tế khi Cơ quan quản lý thị trường mở con't hàng niêm phong để kiểm tra seal niêm phong container vẫn còn nguyên vẹn.

Kết quả làm việc với Lê Anh T12: T12 khẳng định mình không có mối quan hệ, không biết gì về việc thành lập và hoạt động của Công ty Z. Tiến hành đối chất giữa Lê Hoàng T và Lê Anh T12, cả Lê Hoàng T và Lê Anh T12 đều không biết nhau.

Kết quả đối chất giữa Lê Hoàng T và Phạm Minh S: cả 2 đều xác định Lê Hoàng T là người đăng ký Tờ khai số 101099972520/A1 và làm thủ tục thông quan cho con't hàng số hiệu OOLU9233192 theo yêu cầu của Phạm Minh S.

Kết quả làm việc với Võ Minh Q, người điều khiển xe ô tô đầu kéo: Khoảng 18h cùng ngày tại cổng bảo vệ của Cảng ICD Phước Long, Q nhận bộ hồ sơ gồm Lệnh lấy container (phiếu E) và lệnh hạ công từ bảo vệ cổng (do T gửi lại cổng bảo vệ) liên hệ với nhân viên điều độ cảng làm thủ tục gấp công lên xe Ô tô Đầu kéo Biển số đăng ký: 51C-735.82, Rơ moóc Biển số đăng ký: 51R-133.15 để chở về địa chỉ 106 đường T15, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến 19h cùng ngày, Q điều khiển xe dừng tại đường M1 khu vực gần ngã 3 Cát Lái theo hướng về hầm chui Thủ Thiêm, do chưa đến giờ qua hầm (*0h mới được phép lưu thông qua hầm*) và nằm ngủ trên xe. Đến khoảng 23h15', xe ô tô Đầu kéo Biển số đăng ký: 51C-735.82, bị đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra container và đưa xe về tạm giữ tại Kho Chi cục quản lý thị trường trên đường Lũy Bán Bích, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chờ hàng, Q còn phải đảm bảo điều khiển xe chờ con't đi an toàn, đúng luật giao thông đường bộ, đảm bảo hàng hóa nguyên vẹn từ lúc nhận con't tại cảng cho đến điểm xuống hàng của khách hàng. Việc chở container số hiệu OOLU9233192 từ Cảng ICD Phước Long đến khi bị Cơ quan Quản lý thị trường kiểm tra, Q không nhận được yêu cầu từ ai dừng xe để mở seal container, giao hàng hóa. Trong thời gian dừng xe để chờ giờ qua hầm, Q không đi đâu khỏi xe Ô tô; trong thời gian xe dừng chờ qua hầm, cả hai đều không gặp, không nhìn thấy Lê Hoàng T tại nơi xe dừng, không phát hiện ai đã mở container trên xe ô tô để lấy hàng hóa ra, hay chất thêm hàng hóa vào xe.

Kết quả làm việc với Phan Hoàng D, phụ xe: Trong quá trình chờ hàng, D không thấy ai yêu cầu dừng xe để mở seal container, giao hàng hóa dừng xe để mở seal container, giao hàng hóa; D cũng như Q không rời khỏi xe hàng trong suốt quãng đường di chuyển; Theo Phan Hoàng D, hàng hóa trong container số hiệu OOLU9233192 là của một người tên S, sử dụng số điện thoại 0918319488.

Kết quả xác minh tại Công ty TNHH Phát triển công nghệ điện tử Bình Anh: đơn vị cung cấp dịch vụ lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên xe đầu kéo biển số 51C73582, thu thập được chi tiết dữ liệu hành trình của xe đầu kéo biển số 51C73582. Kết quả dữ liệu cho thấy: từ 16h00 đến 23h55 ngày 27/10/2016, xe đầu kéo biển số 51C73582 di chuyển với các vận tốc khác nhau, thời gian tắt máy, dừng xe (*vận tốc xe bằng 0*) tại một địa điểm cố định là chưa đến 1h đồng hồ, không thể xảy ra việc dỡ hàng từ cont số hiệu OOLU 9233192 xuống và chất hàng loại khác vào container như lời khai của Lê Hoàng T (BL: 460-486).

Kết quả xác minh tại Công an Phường 4, quận T3, xác định: tại địa chỉ số 340C/37 đường H, Phường 4, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh không có Công ty nào tên Công ty TNHH Đầu tư phát triển xuất nhập khẩu Z. Xác minh mở rộng đây là địa chỉ nhà ở của bị can Phạm Minh S.

Kết quả truy xuất dữ liệu điện thoại di động của Phạm Minh S: có nội dung trao đổi với các đối tượng khác (chưa xác định lai lịch đối tượng) về thông tin nội dung, hướng dẫn cách khai báo với Cơ quan điều tra về lô hàng của Công ty Z(BL 489-498).

Đối với 02 cán bộ hải quan Lê Đình T2, Nguyễn Chí T1, là những người được giao nhiệm vụ kiểm hóa trực tiếp lô hàng của Công ty Z. Lô hàng bị phân luồng đỏ, phải kiểm hóa 100%. Theo quy trình, T1 và T2 phải cắt seal container, kiểm tra lần lượt từng mặt hàng về tên hàng, số lượng, quy cách, xuất xứ... đối chiếu với Tờ khai Hải quan của doanh nghiệp để xác định rõ có khai báo đúng nội dung hàng hóa nhập khẩu không. Tuy nhiên, Lê Đình T2, Nguyễn Chí T1 không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, tin tưởng khai báo của doanh nghiệp nên chỉ đếm số lượng thùng hàng trong container và kết luận hàng nhập khẩu đúng như khai báo, xác nhận thông quan cho lô hàng nhập khẩu dẫn đến hậu quả một số lượng lớn hàng hóa không khai báo hải quan, trị giá 4.069.005.455đ được thông quan trót lọt, gây thất thoát 870.215.524 đồng tiền thuế cho nhà nước. Tại Cơ quan Điều tra, Nguyễn Chí T1 và Lê Đình T2 thừa nhận toàn bộ hành vi thiếu trách nhiệm trong khi làm nhiệm vụ của mình.

Kết quả định giá tài sản số 4247/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận số hàng hóa vi phạm của Công ty Z có giá trị 4.069.005.455đ (BL: 474-452);



Kết Luận giám định tư pháp ngày 17/9/2020 của Tổng cục Hải quan xác định, số thuế nhà nước bị thất thoát khi lô hàng trên được thông quan là 870.215.524 đồng.

\* Vật chứng vụ án:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus đã qua sử dụng; IMEI: 353302070076800; tình trạng điện thoại hoạt động bình thường; sử dụng thuê bao di động số + 84903904678; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng; IMEI: 35944709842586/01; tình trạng điện thoại hoạt động bình thường; sử dụng thuê bao di động số + 840968499177; 01 CPU nhãn hiệu HP Compaq 6000 Pro, số Serial No: SHG950SM4Q, tình trạng không hoạt động; 01 CPU nhãn hiệu HP Compaq 6000 Pro, số Serial No: SHG950SM4R, tình trạng không hoạt động; 225 tờ tài liệu thu giữ tại nơi ở của bị can Phạm Minh S có chữ ký xác nhận trên từng tờ tài liệu của bị can Phạm Minh S, đề ngày 25/10/2019 được đánh số thứ tự từ 01 đến 225.

+ Số hàng hóa theo 112 danh mục hàng hóa, gồm: 180.657 đơn vị sản phẩm là bánh xe đẩy vòng bị, thuốc nhuộm tóc, đèn led, loa kem vuốt tóc, nước hoa... được tạm giữ tại kho tang vật thuộc cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh số 253/5 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Phú, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với số vật chứng còn lại: Số hàng cấm 1.895 thiết bị phụ tùng ô tô đã qua sử dụng trên Container số SITU9137508 được tạm giữ tại Cảng Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; 79.000.000 đồng trong tài khoản tạm giữ của Cục Cảnh sát Kinh tế, Bộ Công an mở tại Kho Bạc sẽ được xem xét giải quyết trong các vụ án “vận chuyển trái phép hàng hóa hàng cấm”; “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và “môi giới hối lộ”.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Phạm Minh S** 12 (mười hai) năm tù, về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2019.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Lê Hoàng T** 07 (bảy) năm tù, về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S, T.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360; điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Lê Đình T2** 03 (ba) năm tù, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Chí T1** 03 (ba) năm tù, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/02/2021 bị cáo Phạm Minh S kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định vai trò của T14 và H7 trong Công ty TNHH Z là bỏ lọt tội phạm, làm sai lệch vai trò của bị cáo vì bị cáo chỉ là người giới thiệu Lê Hoàng T làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa, không phải là người điều hành chỉ đạo công ty, mức án nặng. Cha mẹ lớn tuổi bị bệnh nặng, bản thân bị cáo có quá trình đóng góp trong ngành 25 năm, sức khỏe không ổn định, suy tim, cao huyết áp.

Ngày 06/02/2021 Lê Hoàng T kháng cáo cho rằng mức án nặng.

Ngày 29/01/2021 bị cáo Lê Đình T2 kháng cáo xin giảm hình phạt, hưởng án treo vì lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, công chức xuất sắc nhiều năm qua, gia đình có công Cách Mạng, vụ việc ngăn chặn kịp thời, chưa gây thất thoát, cha mẹ lớn tuổi, con cái nhỏ.

Ngày 03/02/2021 bị cáo Nguyễn Chí T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*, bị cáo Phạm Minh S xin xem xét trách nhiệm, bồi cảnh, vai trò, hoàn cảnh gia đình để khoan hồng cho bị cáo. Bị cáo Lê Hoàng T xin xem xét giảm hình phạt, bị cáo Lê Đình T2 và Nguyễn Chí T1 xin giảm hình phạt và hưởng án treo..

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Đối với kháng cáo của bị cáo S thì đối tượng T14, H7, cơ quan điều tra đã làm rõ. Nội dung kháng cáo của bị cáo S xin xem xét trách nhiệm, bồi cảnh, vai trò, hoàn cảnh gia đình để giảm hình phạt cho bị cáo. Án sơ thẩm tại trang 4, trang 14 đã nêu rất rõ hành vi của bị cáo S, chứng minh vai trò của bị cáo S. Án sơ thẩm quy kết bị cáo S là chủ lô hàng là có căn cứ, không oan. Hình phạt 12

năm có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, chưa được xem xét trong quá trình sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo T, bị cáo T1 và T2 thì Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đánh giá tình chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không có oan sai. Tại phiên tòa, bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, gia đình cách mạng, có bác là liệt sĩ Nguyễn Văn B1, chị ruột Lê Thị Hương T16 được Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương "Bảo vệ an ninh Tổ Quốc". Các bị cáo T1 và T2 cung cấp bằng khen trong công tác, gia đình có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, giải quyết theo thẩm quyền.

Án sơ thẩm quy kết vai trò của bị cáo S và bị cáo T với vai trò giúp sức, nếu bị cáo ăn chia bàn bạc thì mức án nặng hơn nhiều. Án sơ thẩm xét xử các bị cáo tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với các tình tiết mới thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh S có luật sư Phan Trung H3 trình bày:*

Do nhận thức, thời gian giam giữ, bị cáo S bị bệnh, nhận thức thay đổi, hoang mang lo lắng. Bị cáo đã khai tại phiên tòa sơ thẩm, bản án sơ thẩm xét xử hành vi tội danh là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm, bối cảnh, vai trò, hoàn cảnh gia đình để giảm hình phạt cho bị cáo. Việc này cũng cho thấy sự chuyển biến trong nhận thức của bị cáo.

Xem xét đánh giá về vai trò của bị cáo để xem thực tế ai là người nắm quyền hành, điều hành, chỉ đạo hoạt động của công ty Z. Bản án sơ thẩm đã nhận định Phạm Minh S là chủ lô hàng căn cứ vào kết quả xác minh S đứng tên công ty, địa chỉ công ty là nhà bị cáo. Trong hồ sơ vụ án thể hiện ai có vai trò chủ mưu chỉ đạo buôn lậu. S là cán bộ hải quan- Chi Cục Hải quan Khu vực III có gặp đối tượng tên T14, H7 ngỏ lời muốn thành lập doanh nghiệp để nhập khẩu hàng hóa, muốn S tư vấn các vấn đề về thủ tục nhập khẩu.

Xem xét lời khai của Lê Anh T12, lời khai của Lê Thị Mỹ N3 có liên quan đối tượng Dương Văn T14. Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa có gặp T14, thực hiện theo yêu cầu của T14, S. T14 là người trả công 300.000 đồng/ tờ khai. Bị cáo S khi giảng dạy biết được các đối tượng bên ngoài xã hội. Bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới về vai trò của mình, người giới thiệu đối tượng này. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không xem xét vai trò này. Văn bản 8165/PC03 ngày 03/9/2020 thì Dương Văn T14 đã được triệu tập điều tra và khai báo là liên hệ với S để nhờ làm thủ tục thông quan cho 03 lô hàng (Bút lục 912-913). Việc không phê chuẩn và có biện pháp tố tụng kịp thời đã dẫn đến các đối tượng này đã thoát khỏi quy trình tố tụng và rời khỏi nơi cư trú, dẫn đến Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập được các đối tượng làm rõ bản chất vụ án. Đối với đối tượng Dương Văn T14 thì có cung cấp họ tên, quốc tịch, số CMND, địa chỉ thường trú, số điện thoại nhưng án sơ thẩm không xác định

vai trò của T14, H7 với tư cách chủ mưu cầm đầu. T14, H7 cũng cấp số điện thoại rõ ràng nhưng hồ sơ không có văn bản yêu cầu công ty Mobifone cung cấp điện thoại.

Như vậy, lời khai của các bị cáo và người liên quan đã thể hiện rõ Phạm Minh S qua quen biết chỉ là người giới thiệu Lê Hoàng T làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa, không phải là điều hành chỉ đạo Công ty Z như đàm phán, thương thảo hợp đồng đối với đối tác nước ngoài, soạn hồ sơ nhập khẩu cũng như không có bất kỳ tác động nào đến cán bộ hải quan trong quá trình thông quan hàng hóa của công ty Z. Cơ quan tố tụng không xác định vai trò của T14, H7 trong Công ty Z là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Bản án xác định ông S có vai trò chính là hoàn toàn không có cơ sở.

Về tội danh Buôn lậu. Bị cáo nhận thức là người giới thiệu Dương Văn T14 sử dụng dịch vụ Lê Hoàng T để làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa. S đã khai báo, chủ động cung cấp thông tin về vai trò trong việc Buôn lậu của Công ty Z. T14, H7 ngỏ lời muốn thành lập doanh nghiệp để nhập khẩu hàng hóa, muốn S tư vấn các vấn đề về thủ tục nhập khẩu. T14, H7 muốn khai địa chỉ thành lập doanh nghiệp tại nhà của S nhưng S không đồng ý nhưng không biết lý do gì mà T14, H7 vẫn sử dụng địa chỉ nhà của S để thành lập công ty. Tháng 10/2016 T14 đến gặp S đưa một bộ hồ sơ nhập khẩu sử dụng pháp nhân của công ty Z gồm Hợp đồng ngoại thương, Hoá đơn thương mại, Vận đơn và S đã đưa lại cho T, người được S giới thiệu cho T14 để T làm thủ tục mở tờ hải quan cho công ty Z và được hệ thống cấp số 101099972520/A11. T còn thực hiện các công việc liên quan đến việc nhập khẩu như liên hệ hãng tàu để nhận lệnh giao hàng, đóng tiền cước container...Lời trình bày của S phù hợp với bản tường trình của T ngày 19/11/2019 về việc S giới thiệu T14 để T làm thủ tục cho Công ty Z (Bút lục 954). Liên quan đến hàng hóa trong container, S khai không biết, không liên quan đến thành lập Công ty Z, không biết hàng hóa Công ty Z thực tế nhập khẩu là gì, khi hỏi T14 về thông tin hàng nhập khẩu thì được T14 cho biết là hàng mới 100% mà không nói rõ về thông tin hàng hóa nhập khẩu. S cũng không có tác động gì đối với cán bộ hải quan để kiểm hóa. S đến với Công ty Z không phải tìm kiếm lợi ích trực tiếp từ việc buôn lậu. S không được phân chia lợi ích gì từ việc buôn lậu. S đã nhận thức đầy đủ về vai trò của mình cũng như thừa nhận hành vi liên quan đến hoạt động buôn lậu của Công ty Z, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ sai phạm. Lô hàng đã bị giữ, hậu quả không xảy ra. Bị cáo hơn 20 năm công tác tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, đạt được nhiều thành tích nổi bật, tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến, giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào thi đua. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ ruột già yếu, bố là Phạm Văn T4 vừa qua đời năm 2021 khi bị cáo bị tạm giam, bị cáo là lao động chính trong gia đình, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều đóng góp cho hoạt động xuất khẩu. Sức khỏe của bị cáo không ổn định, bị suy tim, cao huyết áp và trong quá trình tạm giam có bị tai biến khiến một bên tay cử động khó khăn. Việc tách vụ án có nguy cơ bị cáo bị mức án nặng thêm. Cơ quan tố tụng chưa có kết luận sai phạm của bị cáo S mà Chủ tọa đã hỏi.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, làm rõ trách nhiệm của T14 và H7, xem xét lại vai trò của S cho phù hợp với thực tế. Trong trường hợp có căn cứ để tuyên án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò hạn chế của bị cáo S, hoàn cảnh gia đình, nhân thân, sức khỏe để đưa ra mức án nhẹ hơn mức án sơ thẩm đã tuyên.

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh S có luật sư Phan Minh H4 trình bày:* Thống nhất ý kiến của luật sư H3.

*Bị cáo S trình bày:* Thống nhất ý kiến của luật sư H3. Ở cơ quan bị cáo có nhiều thành tích đóng góp xây dựng cho ngành, bị cáo là lao động chính, bố bị cáo mất. Bị cáo nhận thức được vai trò trong vụ án, mong Hội đồng xét xử xem xét.

*Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:* Luật sư không thống nhất mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm. T là nhân viên làm thủ tục mở tờ khai hải quan tại cảng khi khách hàng có nhu cầu. T thực hiện dịch vụ khi chủ thuê yêu cầu. T không có bàn bạc, không biết hàng là hàng buôn lậu, không có chia hưởng lợi gì, chưa có tiền án tiền sự, ăn năn hối cải. Cha của bị cáo bị bệnh hiểm nghèo. Gia đình có công với đất nước. mẹ bị cáo là Bùi Thị C1 có chị ruột là liệt sĩ Nguyễn Văn B1; chị ruột là Lê Thị Hương T16- Chủ tịch UBND Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương "Bảo vệ an ninh Tổ Quốc" ngày 06/8/2014. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo T. Bị cáo làm dịch vụ không tìm hiểu kỹ mặt hàng.

*Bị cáo T trình bày:* Thống nhất ý kiến của người bào chữa.

*Bị cáo T1 và T2 không tranh luận gì thêm*

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận:* Ghi nhận những vấn đề luật sư nêu trong hồ sơ. Hồ sơ có khai T14 và H7. Cơ quan điều tra không triệu tập được. Kiến nghị của luật sư hủy án là không cần thiết. Quá trình điều tra đã làm rõ không có cơ sở xác định T14, H7 chủ mưu. Quá trình điều tra xác định vai trò của S trong vụ án này thông qua tin nhắn, địa chỉ công ty tại nhà của S. Hành vi của bị cáo S đã rõ. Hành vi đối tượng liên quan (T14, H7) tiếp tục kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ. Về các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

*Bị cáo S nói lời nói sau cùng:* Bị cáo nhận thức vai trò của bị cáo, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhưng vô tình đã tiếp tay cho buôn lậu. Bị cáo xin lỗi Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh vì đã làm ảnh hưởng uy tín của ngành và gia đình. Bị cáo nhận thức trách nhiệm của bị cáo trong vụ án, mong Hội đồng xét xử xem xét mức độ vai trò của bị cáo để cho bị cáo một mức án khoan hồng.

*Bị cáo Lê Hoàng T nói lời nói sau cùng:* Bị cáo rất đau khổ. Ba bị cáo bị bệnh. Hành vi của bị cáo vô tình giúp sức cho việc buôn lậu. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo để cho bị cáo hưởng mức án nhẹ.

*Bị cáo T1 nói lời nói sau cùng:* Đây là bài học xương máu của bị cáo. Bị cáo trước đó cũng đã phối hợp với Đội chống buôn lậu kiểm tra hàng hóa của công ty này nhưng không có vấn đề gì. Hôm kiểm tra hàng hóa thì trời mưa nên bị cáo có kéo hàng đến đúng số thùng hàng. Do vụ án buôn lậu kịp thời được ngăn chặn. Hiện vật thu giữ tại cơ quan chức năng. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo mức án thấp nhất và tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện công tác.

*Bị cáo T2 nói lời nói sau cùng:* Hành động của bị cáo, bị cáo xin nhận lỗi. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo sửa sai lầm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Minh S, Lê Hoàng T, Nguyễn Chí T1 và Lê Đình T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện theo như nội dung cáo trạng đã truy tố, nội dung án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Ngày 27/10/2016, Đoàn kiểm tra Đội Quản lý thị trường 4A thuộc Chi Cục quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm buôn lậu Bộ Công an, thực hiện Quyết định khám phương tiện vận tải đối với xe đầu kéo mang biển kiểm soát 51C73582, rơ móc số 51R-13315, container số OOLU9233192 (còn nguyên seal) do lái xe Võ Minh Q điều khiển. Kết quả điều tra xác định: Lô hàng trong container số OOLU9233192 được Công ty Z nhập theo tờ khai hải quan số 101099972520 mở ngày 27/10/2016, hàng hóa khai báo là phụ tùng xe máy, bánh mâm xe..., hàng mới 100%. Tờ khai được phân luồng đỏ (thuộc diện phải kiểm hóa 100%).

Kết quả kiểm tra thực tế container số OOLU9233192 (từ ngày 31/10 đến ngày 04/11/2016), lô hàng bao gồm: 180.657 đơn vị sản phẩm là bánh xe đẩy vòng bi, thuốc nhuộm tóc, đèn Led, loa, kem vuốt tóc, nước hoa,...các loại có xuất xứ từ Trung Quốc.

Như vậy, toàn bộ hàng hóa thực tế không trùng khớp về tên gọi, công dụng, chủng loại, xuất xứ, số lượng so với hàng hóa ghi trong tờ khai hàng hóa nhập khẩu. Do đó, ngày 7/12/2016, Đội Quản lý thị trường 4A tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính vắng mặt đối với Công ty Z với hành vi vi phạm kinh doanh hàng hóa nhập lậu. Kết quả định giá tài sản số 424/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận số hàng hóa vi phạm của Công ty Z có giá trị 4.069.005.455 đồng.

Qua quá trình điều tra, xác định Phạm Minh S là chủ của lô hàng, mặc dù Phạm Minh S không thừa nhận sự liên quan đến việc thành lập Công ty Z, không biết việc nhập khẩu hàng hóa của Công ty Z nhưng căn cứ kết quả xác minh thể hiện Công ty Z được thành lập và sử dụng địa chỉ nhà của S làm địa chỉ đăng ký kinh doanh; số điện thoại 0918319488 do Phạm Minh S đứng tên chủ thuê bao; S là người trực tiếp thuê xe đầu kéo vận chuyển container hàng số hiệu OOLU9233192 và trả tiền thuê xe. Đồng thời căn cứ vào kết quả trích xuất dữ liệu số điện thoại 0918319488 do Phạm Minh S đăng ký thuê bao có các tin nhắn liên quan đến lô hàng của Công ty Z; nhắn tin trao đổi với Đoàn Công Hiến là chủ xe Con't với nội dung: *“Khai cứng, không sợ vì án tại hồ sơ”...*). Hơn nữa, bản thân S là cán bộ hải quan, công việc liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa và căn cứ vào lời khai của Lê Hoàng T, biên bản đối chất giữa T, S thể hiện T là người được S thuê để làm thủ tục thông quan liên quan đến lô hàng này. Do đó, Phạm Minh S phải là người chịu trách nhiệm chính trong việc Công ty Z nhập khẩu container hàng hóa số hiệu OOLU9233192 theo tờ khai số 1011099972520 đăng ký ngày 27/10/2016. Tổng giá trị lô hàng vi phạm là 4.069.005.455 đồng.

Đối với Lê Hoàng T là người đã có hành vi trực tiếp mở tờ khai, trực tiếp nhập hàng, là người đi liên hệ hãng tàu, cảng vụ; T biết lô hàng bị phân luồng đỏ phải kiểm hóa 100%; T cũng là người chứng kiến T2, T1 kiểm hóa và khai rằng T2, T1 chỉ kiểm tra khoảng 70- 80% lô hàng; là người giám sát xếp lại hàng vào con't, giám sát việc đóng hàng và làm thủ tục thông quan cho hàng ra khỏi cảng. Như vậy, khi chứng kiến việc kiểm hóa T buộc phải biết hàng do mình khai không đúng với hàng nhập nhưng vẫn tiếp tục làm các thủ tục: dán Seal.... để lô hàng ra khỏi cảng. Đặc biệt, sau 04 ngày lô hàng đã bị tạm giam, tạm giữ T vẫn đến làm việc với Chi cục quản lý thị trường về lô hàng bị tạm giữ với tư cách đại diện công ty Z nhân viên Công ty Z (mang theo Hợp đồng lao động, Bảng lương, giấy giới thiệu... nhưng thực chất T không phải là nhân viên của Công ty Z). Ngoài ra, lời khai của Lê Hoàng T và Phạm Minh S tại biên bản đối chất là phù hợp và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Lê Hoàng T có tham gia giúp sức cho Phạm Minh S trong việc thông quan lô hàng vi phạm trị giá 4.069.005.455 đồng.

Đối với Nguyễn Chí T1 và Lê Đình T2 là những cán bộ hải quan, được giao nhiệm vụ kiểm hóa lô hàng bị phân luồng đỏ, phải kiểm hóa 100% nhưng T1 và T2 chỉ đếm số lượng thùng hàng trong container, rồi kết luận hàng nhập khẩu đúng như khai báo, xác nhận thông quan mà không tiến hành kiểm hóa lô hàng 100% theo quy định, dẫn đến hậu quả một số lượng lớn hàng hóa có giá trị 4.069.005.455 đồng không khai báo hải quan vẫn được thông quan, gây thất

thoát tiền thuế theo Kết luận giám định tư pháp ngày 17/9/2020 của Tổng cục Hải quan xác định số thuế nhà nước bị thất thoát khi lô hàng trên được thông quan là 870.215.524 đồng.

Ngoài ra, trong thời gian điều tra vụ án, Cơ quan Điều tra cũng tiếp nhận vụ án “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” do Phạm Minh S sử dụng chứng minh nhân dân của cá nhân khác, thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn H8 và sử dụng pháp nhân này làm thủ tục nhập khẩu lô hàng thiết bị phụ tùng ô tô trái quy định. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết nhưng chưa có kết quả định giá tài sản lô hàng này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, xử lý nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Minh S, Lê Hoàng T, Nguyễn Chí T1 và Lê Đình T2, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh S, Lê Hoàng T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo S đề nghị hủy án sơ thẩm đề điều tra là không cần thiết vì Cơ quan điều tra đã xác minh và Tòa án đã tiến hành trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng đối tượng T14 và H7 đã rời khỏi nơi cư trú. Do đó đối với hành vi của các đối tượng liên quan T14 và H7, tiếp tục kiến nghị Cơ quan điều tra làm rõ xem xét giải quyết như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[2.2] Về tội danh:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Minh S về tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Lê Hoàng T về tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Đình T2 và Nguyễn Chí T1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 2 Điều 360; điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[2.3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Minh S và Lê Hoàng T đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của các cơ quan chức năng, vi phạm các quy định của pháp luật về buôn bán hàng hóa qua biên giới, xâm phạm đến pháp luật về xuất nhập khẩu hàng hóa của Nhà nước. Tình hình các vụ việc buôn lậu diễn biến phức tạp, cần xử lý nghiêm để đảm bảo tình hình chính trị tại địa phương.



Hành vi của các bị cáo Lê Đình T2 và Nguyễn Chí T1 đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của nhà nước nói chung và hoạt động Hải quan nói riêng. Trong vụ án này, các bị cáo là cán bộ Hải quan, được giao nhiệm vụ trực tiếp kiểm hóa lô hàng. Mặc dù, lô hàng bị phân luồng đỏ, phải kiểm hóa 100% nhưng T1 và T2 chỉ đếm số lượng thùng hàng trong container, rồi kết luận hàng nhập khẩu đúng như khai báo, xác nhận thông quan mà không tiến hành kiểm hóa lô hàng 100% theo quy định gây hậu quả nghiêm trọng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo T phạm tội với vai trò giúp sức nên khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thêm Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cung cấp đơn xin xác nhận của mẹ bị cáo là Bùi Thị C1 có chị ruột là liệt sĩ Nguyễn Văn B1; chị ruột là Lê Thị Hương T16- Chủ tịch UBND Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương "Bảo vệ an ninh Tổ Quốc" ngày 06/8/2014. Đây có thể coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo S cung cấp thêm tài liệu là: danh hiệu Lao động tiên tiến của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh tặng do hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2007, giấy khen của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh tặng đã có thành tích trong phong trào thi đua đợt 1 năm 2009. Hồ sơ bệnh án của bị cáo và cha mẹ bị cáo. Cha của bị cáo mất khi bị cáo đang bị tạm giam. Hoàn cảnh gia đình khó khăn mẹ già yếu. Bản thân bị cáo có nhiều đóng góp cho hoạt động xuất nhập khẩu, chưa có tiền án, tiền sự. Hiện sức khỏe của bị cáo không ổn định, bị suy tim, huyết áp và trong quá trình tạm giam có bị tai biến khiến một tay cử động khó khăn. Đây có thể coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T1 cung cấp thêm các tài liệu như sau: Giấy xác nhận công tác tại Đội Tổng Hợp - Chi Cục Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực III, có bác Nguyễn Văn S1 là liệt sĩ; giấy khen của Cục Điều tra chống buôn lậu ngày 15/5/2007; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2003; Bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại; Bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống gian lận thương mại năm 2006; Giấy khen của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai ngày 31/10/2005 trong công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại; Giấy khen của Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai đã có thành tích trong gian lận

thương mại trong công tác kiểm tra sau thông quan; Bằng khen ngày 24/01/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai đã có thành tích trong phong trào thi đua năm 2002.

Bị cáo T2 cung cấp thêm các tài liệu như sau: Giấy xác nhận về việc chấp hành nội quy, quy chế cơ quan có xác nhận của Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực IV; Ban chấp hành Trung ương Hội Truyền thống Trường S Đường Hồ Chí Minh- Việt Nam tặng ông Lê Đình T10 tám chữ vàng danh dự "Trường Sơn- Anh Hùng- Nghĩa Tình Đồng Đội"; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở ngày 25/12/2019 do Cục trưởng cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm 2019 và có sáng kiến; Giấy khen ngày 29/12/2017 của Cục trưởng cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2017; Giấy khen ngày 15/7/2019 của Cục trưởng cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong 06 tháng đầu năm 2019; "; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở ngày 26/12/2013 do Cục trưởng cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có sáng kiến cải tiến năm 2013; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở ngày 28/12/2018 do Cục trưởng cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018 và có sáng kiến; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 01/7/2015 đã có thành tích xuất sắc trong công tác hải quan từ năm 2013 đến năm 2014.

Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T1 và bị cáo T2.

Tuy nhiên, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo là nhẹ. Các bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử ghi nhận các tình tiết này nhưng với các tình tiết các bị cáo cung cấp thêm thì mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp, các bị cáo chỉ bị xét xử ở mức đầu khung hình phạt , tương xứng với tính chất mức độ vai trò hành vi phạm tội của các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh S và Lê Hoàng T xin giảm nhẹ hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

[5] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh S, Lê Hoàng T, Lê Đình T2 và Nguyễn Chí T1. Giữ nguyên án sơ thẩm, có bổ sung thêm điều luật áp dụng.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Phạm Minh S** 12 (mười hai) năm tù, về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2019.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo **Lê Hoàng T** 07 (bảy) năm tù, về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S, T.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 360; điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Lê Đình T2** 03 (ba) năm tù, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Chí T1** 03 (ba) năm tù, về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2021/HS-ST ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Các bị cáo Phạm Minh S, Lê Hoàng T, Lê Đình T2 và Nguyễn Chí T1, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

4. Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ hành vi của đối tượng T14 và H7 trong vụ án để xem xét xử lý theo thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh (để tổng đạt cho bị cáo);
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu (Ấn - Trú).

**Đinh Ngọc Thu Hương**